

# VÀI NÉT VỀ QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI THỊNH VƯỢNG VÀ DÂN CHỦ Ở TÂY BAN NHA

PGS.TS. Nguyễn Quang Thuán

*Viện Nghiên cứu Châu Âu*

Sau 30 năm cải cách chuyển từ chế độ độc tài sang dân chủ, từ nền kinh tế tập trung, đóng cửa sang nền kinh tế thị trường, hội nhập vào khu vực và thế giới, Tây Ban Nha đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Từ một nước khá lạc hậu so với châu Âu, hiện nay Tây Ban Nha đã trở thành nền kinh tế lớn thứ 8 của thế giới, nhà đầu tư lớn thứ 11 toàn cầu, và đứng thứ 2 ở khu vực Mỹ Latinh, sản xuất năng lượng gió đứng thứ 2 của thế giới và là quốc gia dẫn đầu trong việc kết hợp quản lý giữa công và tư về cơ sở hạ tầng. Năm 1986 Tây Ban Nha đã trở thành viên chính thức của Cộng đồng Châu Âu, năm 1999 là thành viên của khu vực đồng Euro, có đóng góp tích cực trong quá trình phát triển của EU ngày nay. Bài viết này tập trung phân tích bối cảnh trong nước và quốc tế bước vào giai đoạn chuyển đổi của Tây Ban Nha và những nội dung cải cách chủ yếu trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế và xã hội trong những năm vừa qua.

## 1. Bối cảnh quốc tế và tình hình trong nước khi bước vào giai đoạn chuyển đổi của Tây Ban Nha

Trong những năm 30, kể từ khi lật đổ vua Anphôn-Sô XIII và tuyên bố nền Cộng hoà đệ nhị (1931-1936), Tây Ban Nha đã xây dựng được hệ thống chính trị dân chủ, ngang tầm với những chế độ tiên tiến nhất ở châu Âu. Trong thời kỳ này, Tây Ban Nha đã tiến hành các cuộc cải cách trên các lĩnh vực khác nhau, chẳng hạn: cải cách ruộng đất, hạn chế quyền lực của các chủ đồn điền và trao ruộng đất cho nông dân, củng cố vai trò của các công đoàn, Tổng liên đoàn Lao động và Liên đoàn toàn quốc những Người lao động với việc thành lập các toà án hỗn hợp và thực hiện chính sách xã hội tiên tiến, cải cách giáo dục, cải cách và hiện đại hoá quân đội, công nhận tính độc lập của Nhà nước với Nhà thờ, giảm thiểu vai trò của Nhà thờ Cơ đốc giáo, công nhận quy chế tự trị... Tuy nhiên, những cuộc cải cách trên đã được tiến hành trong bối cảnh khủng hoảng kinh tế rất nặng nề do tác động của cuộc khủng hoảng năm 1929 ở

Mỹ, những khó khăn của xã hội gia tăng và cũng là thời kỳ Chủ nghĩa Phát xít xuất hiện ở châu Âu. Lợi dụng những khó khăn của các cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội, các lực lượng cánh hữu về kinh tế, quân sự và tư tưởng đã tiến hành cuộc đảo chính quân sự chấm dứt nền cộng hoà và những cuộc cải cách đang tiến hành cũng bị dừng lại. Cuộc đảo chính dẫn đến nội chiến kéo dài suốt 3 năm từ 1936-1939 với việc thắng lợi của tướng Phranco và phái gọi là "Quốc gia". Chế độ độc tài của Tây Ban Nha bắt đầu từ 1939 cho đến năm 1975.

Đặc điểm nổi bật của thời kỳ tồn tại chế độ độc tài ở Tây Ban Nha là vai trò của quân đội giữ vị trí đặc biệt, là xương sống của toàn bộ hệ thống chính trị, chế độ dân chủ bị thủ tiêu. Trong thời kỳ này, về kinh tế chia làm 2 giai đoạn. Giai đoạn đầu từ 1940-1960, là giai đoạn đóng cửa hoàn toàn nền kinh tế với bên ngoài. Chủ nghĩa bảo hộ thống trị trong nền kinh tế. Nhà nước can thiệp và kiểm soát đến mọi hoạt động kinh tế như giá cả, tiền lương... Tình trạng tham nhũng gia tăng mạnh mẽ. Thực tế Tây Ban Nha thời kỳ này đã bị tụt hậu rất xa so với các nước khác, và đã trở thành nước nghèo nàn và lạc hậu. Thu nhập bình quân theo đầu người của Tây Ban Nha năm 1938 bằng mức của năm 1900, tới năm 1950 mới tăng bằng mức năm 1918. Tỷ trọng dân số làm việc trong lĩnh vực công nghiệp giảm xuống 22% năm 1940, tức là bằng mức của năm 1920 và dân số làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp đã tăng lên 50%. Trong những năm 40, kinh tế Tây Ban Nha

chỉ tăng 1,25%. Tình hình trên đã làm xuất hiện rất nhiều vấn đề xã hội phức tạp. Các phong trào đấu tranh của người lao động, sinh viên bắt đầu xuất hiện. Những năm 1957-1958, các mâu thuẫn xã hội trở nên hết sức sâu sắc cùng với những sức ép từ bên ngoài đã buộc chính quyền độc tài phải thay đổi chính sách. Trước tình hình khủng hoảng sâu sắc về mọi mặt như vậy, kế hoạch ổn định và khôi phục kinh tế Tây Ban Nha được đưa ra năm 1959 và triển khai từ năm 1961. Nội dung thực chất của kế hoạch này là: tự do hoá thương mại, mở cửa đất nước nhằm giao thương với bên ngoài và thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển kinh tế đất nước, tiếp cận với các nguồn tín dụng quốc tế thông qua việc gia nhập IMF, WB, OECD, thay đổi tỷ giá hối đoái, hạ giá đồng tiền quốc gia, loại bỏ các công ty không có khả năng cạnh tranh. Thực hiện kế hoạch này, Tây Ban Nha đã có những thay đổi quan trọng. Trước hết, ngành du lịch Tây Ban Nha có cơ hội phát triển cùng với làn sóng di dân lao động từ nông thôn ra thành thị và từ Tây Ban Nha đến châu Âu. Điều đó đã tác động, tạo ra nguồn kiều hối của những người lao động gửi về cho gia đình, mặt khác nguồn ngoại tệ thu được từ hàng triệu khách du lịch, cũng như nguồn đầu tư của nước ngoài cho phép Tây Ban Nha giải quyết được thâm hụt trong cán cân thanh toán. Kết quả là trong những năm 60 và những năm đầu thập kỷ 70, kinh tế Tây Ban Nha bắt đầu có bước phát triển mới, khá quan trọng. Tuy nhiên Tây Ban Nha vẫn là quốc gia lạc hậu so với châu

Âu vì sự tụt hậu quá xa của Tây Ban Nha trong 20 năm trước đó. Ngoài ra Tây Ban Nha cũng còn khá nhiều vấn đề đặt ra trong giáo dục, đầu tư phát triển, cơ cấu hạ tầng. Các vấn đề xã hội chưa được giải quyết như phong trào công đoàn chưa được phát triển, mức sống người làm công ăn lương còn chưa đảm bảo, mối quan hệ giữa lao động chưa được giải quyết v.v...

Năm 1973, cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới đã tác động mạnh mẽ đến Tây Ban Nha, làm cho nền kinh tế Tây Ban Nha vốn đã nhiều khó khăn càng thêm khó khăn. Trong bối cảnh đó, tháng 11 năm 1975 nhà độc tài Phrancô chết, vua Joan Carlos đệ nhất lên ngôi và tuyên bố đất nước theo chế độ quân chủ lập hiến và bổ nhiệm ông Arias Navarô làm người đứng đầu chính phủ. Ông Arias Navarô vẫn muốn duy trì chế độ độc tài, mâu thuẫn chính trị xã hội càng trở nên sâu sắc hơn. Tây Ban Nha lâm vào cuộc khủng hoảng toàn diện: chính trị, kinh tế, xã hội và quốc tế. Trước các sức ép của xã hội, chính phủ đã không duy trì được và đến tháng 6 năm 1976 chính phủ mới đã lên nắm quyền. Tây Ban Nha bắt đầu giai đoạn mới, giai đoạn quá độ sang dân chủ, thịnh vượng.

Như vậy, trước khi chuyển sang chế độ độc tài, Tây Ban Nha là quốc gia đã từng đạt được những tiến bộ về dân chủ và kinh tế so với các nước châu Âu khác. Sự tồn tại của chế độ độc tài ở Tây Ban Nha sau gần 40 năm, từ 1939 đến 1945, đã làm cho Tây Ban Nha tụt hậu về mọi mặt. Mặc dù về kinh tế,

bước vào những năm 60, đã có những cải cách nhất định, tạo ra sự phát triển mới những vẫn còn tụt hậu khá xa so với các nước châu Âu khác, đặc biệt là những khó khăn cho phát triển kinh tế trong điều kiện duy trì nền chính trị độc tài. Những mâu thuẫn trong nước về chính trị, kinh tế - xã hội hết sức sâu sắc, những tác động của bên ngoài, trực tiếp là cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới năm 1973 và cuối cùng là cái chết của nhà lãnh đạo độc tài Phrancô năm 1975 đã tạo ra những tiền đề cho sự chuyển đổi của Tây Ban Nha sang một giai đoạn mới, giai đoạn chuyển đổi thịnh vượng và dân chủ.

## **2. Những nội dung cải cách trong giai đoạn chuyển đổi ở Tây Ban Nha**

Trong khoảng 3 thập kỷ chuyển đổi từ chế độ độc tài sang chế độ dân chủ, từ nền kinh tế tập trung, đóng cửa sang nền kinh tế thị trường mở cửa, Tây Ban Nha tiến hành cải cách toàn diện trên tất cả các mặt.

*Về chính trị*, đó là sự chuyển đổi từ chế độ độc tài sang chế độ dân chủ. Sau khi Phrancô qua đời, vua Juan Carlos lên ngôi đã tiến hành khởi động lại quá trình dân chủ hoá, nhưng thời gian đầu những biện pháp của ông không thực hiện được bởi sự chống đối của những lực lượng theo chế độ độc tài Phrancô. Tháng 6 năm 1976 Nhà vua đã thiết lập Nội các mới gồm những nhà chính trị và công chức còn trẻ, đã từng phục vụ dưới chế độ độc tài của Phrancô, nhưng có tư tưởng tiến bộ. Chính quyền mới này đã kết hợp giữa cơ chế dân chủ được thiết lập bởi các

nhà kỹ trị cải cách từ thập niên 60 và kết hợp xu hướng dân chủ hoá trong xã hội để thành lập Quốc hội mới thông qua bầu cử trực tiếp. Sau cuộc trưng cầu dân ý tháng 12 năm 1976, Chính phủ đã tiến hành đối thoại với lực lượng dân chủ đối lập, hợp pháp hoá Đảng Cộng sản và thực hiện ân xá tù chính trị. Quá trình dân chủ diễn ra trong điều kiện chính trị rất phức tạp, đặc biệt sự chống đối của quân đội, thậm chí bạo lực khủng bố, biểu tình... Tuy nhiên, đến tháng 6 năm 1977 cuộc bầu cử dân chủ vẫn được tiến hành và đã chọn ra được những đại biểu và đảng phái đại diện lợi ích của nhiều tầng lớp xã hội khác nhau. Tiếp theo đó Hiến pháp mới đã được thông qua vào năm 1978. Tiến đề quan trọng cho sự ra đời của bản Hiến pháp mới cũng như tạo sự ổn định để tiến hành chuyển đổi ở Tây Ban Nha là sự thống nhất của các lực lượng chính trị thông qua việc ký kết Hiệp ước Moncolôa tháng 10 năm 1977. Những nội dung cơ bản của Hiệp ước này là: Các công đoàn và cánh tả chấp nhận kiểm soát lạm phát, qui định mức lương tăng theo mức dự báo lạm phát chứ không tăng theo mức lạm phát trước đó để đảm bảo đời sống của nhân dân; Mở rộng chế độ an sinh xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; Thiết lập cơ sở cho một chế độ thuế mới, thực hiện thuế thu nhập cá nhân, tăng đầu tư cho cơ sở hạ tầng. Đồng thời Hiệp ước đó còn bao gồm các điều khoản về tự do hoá thị trường, chính sách giá cả, thị trường lao động, hiện đại hoá hệ thống tài chính, và các biện pháp về chính trị được thực hiện trong những năm tiếp theo.

Nói tóm lại, việc ký kết Hiệp ước Moncolôa có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự ổn định tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Tây Ban Nha trong bối cảnh hết sức phức tạp lúc đó để tạo điều kiện cho Tây Ban Nha bước vào giai đoạn chuyển đổi thịnh vượng và dân chủ thành công. Hiệp định này còn là hình mẫu thảo luận sôi nổi ở nhiều nước Mỹ Latinh và ở cả Liên Xô thời kỳ cải tổ của chính quyền Goochbachốp.

Trên cơ sở Hiệp định Moncolôa, năm 1978 Tây Ban Nha đã cho ra đời bản Hiến pháp mới. Bản Hiến pháp này đã hợp pháp hoá chuyển đổi chế độ độc tài sang chế độ dân chủ. Hiến pháp được xây dựng hoàn toàn dân chủ, tự nguyện, thông qua các thoả ước tự nguyện giữa các đảng phái và sự ủng hộ của các lực lượng xã hội. Theo cuộc trưng cầu dân ý ngày 6-12-1978, với sự tham gia của 67% dân số, có 87% đã bỏ phiếu ủng hộ và 8% bỏ phiếu chống. Hiến pháp xác định Tây Ban Nha là nhà nước Quân chủ lập hiến, Vua là đại diện cho đất nước nhưng không điều hành đất nước. Hiến pháp cũng công nhận các quyền cơ bản của con người, của các nhóm xã hội, quy định sự độc lập hoàn toàn của cơ quan tư pháp, công nhận các cộng đồng tự trị và xác định thẩm quyền giữa họ với chính quyền Trung ương.

Ngoài ra, *cải cách quân đội* cũng là nội dung quan trọng trong những năm cải cách vừa qua. Trong thời kỳ duy trì chế độ độc tài từ năm 1936 đến năm 1975, lực lượng quân sự của Tây Ban Nha có nhiệm vụ duy trì chế

độ độc tài quân sự. Lực lượng quân đội hầu như không có quan hệ với các lực lượng quân đội nước ngoài, không tham gia vào các cuộc chiến tranh thế giới, không tham gia lực lượng quân đội của Liên hiệp quốc, NATO. Đến năm 1953, mới có quan hệ với quân đội nước ngoài thông qua việc Tây Ban Nha cho quân đội Mỹ đóng quân tại lãnh thổ nước mình. Sau khi ra đời, chính phủ đã thiết lập lại từ đầu các mối quan hệ với quân đội. Những năm đầu tiên thành lập Bộ Quốc phòng trên cơ sở thống nhất giữa 3 bộ đã có trong chế độ độc tài: Bộ binh, Hải quân và Không quân. Cơ quan cao nhất được xác định là Bộ Tổng tham mưu chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Nhà Vua. Ngoài ra còn thành lập Cục Phản gián trực thuộc chính phủ. Để tránh tình trạng tái xuất hiện chính quyền quân sự, năm 1977 Tây Ban Nha đưa ra một quy định là tất cả các nhà lãnh đạo chính trị nếu đang phục vụ trong quân đội phải ra khỏi quân đội và những tướng lĩnh đã phục vụ trong quân đội trên 10 năm phải chuyển ngành để tạo điều kiện cho việc trẻ hoá lực lượng quân đội. Hiến pháp năm 1978 cũng nói rõ về thành phần, cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ của quân đội. Cụ thể Hiến pháp xác định quân đội có nhiệm vụ bảo vệ chính phủ, bảo vệ đất nước và bảo vệ việc thực thi Hiến pháp. Trong Hiến pháp đồng thời cũng quy định người chỉ huy tối cao quân đội là Nhà vua, Chính phủ có trách nhiệm điều hành tất cả các công việc đối nội cũng như đối ngoại của quân đội, nhưng chưa nói rõ quân đội thuộc Chính phủ. Đến năm 1985

mới khẳng định quân đội thuộc Chính phủ. Năm 1984 Tây Ban Nha đã đưa ra luật thứ 2 về Quốc phòng, trong đó quy định rõ hơn về lãnh đạo chỉ huy quân đội, chức năng nhiệm vụ của quân đội trong thời kỳ mới v.v...

Tóm lại, cải cách chính trị của Tây Ban Nha thể hiện rõ mục tiêu xây dựng xã hội dân chủ theo mô hình châu Âu. Việc thống nhất các lực lượng chính trị thông qua việc ký kết Hiệp ước Moncoloa tháng 10 năm 1977 có ý nghĩa cực kỳ quan trọng, là tiền đề cho việc xây dựng Hiến pháp mới của Tây Ban Nha năm 1978 trên cơ sở xây dựng xã hội Tây Ban Nha dân chủ và thịnh vượng.

**Về kinh tế:** Chính sách chuyển đổi kinh tế của Tây Ban Nha tập trung vào 3 nội dung chủ yếu sau: 1) Tự do hoá kinh tế; 2) Cân đối kinh tế vĩ mô thông qua các biện pháp cải cách tài chính tiền tệ, sở hữu...; 3) Đưa Tây Ban Nha hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới.

Về cơ bản có thể chia quá trình chuyển đổi kinh tế của Tây Ban Nha thành 4 giai đoạn sau đây:

**Giai đoạn 1.** Sau những bước cải cách đầu tiên năm 1959 và triển khai năm 1961 theo hướng kinh tế thị trường, mở cửa, nền kinh tế đạt được những thành công nhất định: Kinh tế Tây Ban Nha bắt đầu mở cửa ra bên ngoài, và bước đầu thu hút đầu tư nước ngoài; Ngành công nghiệp được thúc đẩy phát triển; Đặc biệt ngành du lịch phát triển

khá nhanh và trên thực tế đã có những đóng góp quan trọng cho đất nước.

*Giai đoạn 2 (1973-1985).* Đặc điểm của thời kỳ này là khủng hoảng kinh tế thế giới bắt đầu từ năm 1973 đã tác động mạnh mẽ đến Tây Ban Nha và Tây Ban Nha bắt đầu vào giai đoạn chuyển đổi từ chế độ độc tài sang chế độ dân chủ. Hiệp định Moncolòla ký kết năm 1977 cũng đã quan tâm khá nhiều đến nội dung cải cách kinh tế nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra do khủng hoảng lúc đó cũng như những mâu thuẫn trong xã hội. Cụ thể, Hiệp ước Môncolòla đã đưa ra các biện pháp cải cách chính sách thuế vừa để phát triển kinh tế vừa tạo cơ sở phát triển nhà nước phúc lợi sau này. Các biện pháp tăng thuế để tăng thu nhập ngân sách để có điều kiện tăng thu nhập và tăng đầu tư cho cơ sở hạ tầng được đặt ra. Đồng thời, ngân hàng giảm in tiền, tạo ra sự cân đối giữa tiền lương và giá cả, kiểm chế lạm phát, tạo ra cơ chế để ngân hàng hoạt động độc lập hơn, không bị sức ép của công đoàn và giới chủ doanh nghiệp. Chính sách nhằm hồi phục các ngành công nghiệp cũng rất được quan tâm trong Hiệp ước nhằm tăng khả năng sản xuất và xuất khẩu của đất nước, tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài... Trong các biện pháp trên, cải cách thuế, có tác động rất tích cực. Chính sách cải cách thuế bao gồm việc ban hành hệ thống thuế thu nhập hiện đại và lập ra cơ quan đặc nhiệm về thu thuế, nhờ đó đã tăng nguồn thu từ thuế ở mức 18,8% năm 1975 lên 24,4% GDP năm 1992. Tuy nhiên

năm 1982 chỉ có 56% số người trong diện nộp thuế có kê khai thuế. Một chiến dịch chống gian lận thuế được phát động năm 1990 và đã làm tăng gấp đôi số người nộp thuế. Năm 1990 số thu thuế đạt gấp đôi năm 1981. Cùng thời gian đó GDP thực tăng lên 40%, nguồn thu từ thuế tăng 9% lên 33% GDP trong năm 1995.

*Giai đoạn 3 (1986-1994).* Giai đoạn này kinh tế Tây Ban Nha đã khá phát triển. Năm 1986 Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha đã chính thức được kết nạp vào Cộng đồng Châu Âu nay là Liên minh Châu Âu. Việc gia nhập EU vừa đòi hỏi Tây Ban Nha phải có những cải cách tích cực để đáp ứng những yêu cầu của EU, nhưng đồng thời EU cũng tạo điều kiện hết sức to lớn cho phát triển kinh tế cũng như những cải cách tiếp theo của Tây Ban Nha, đặc biệt sự hỗ trợ của EU cho Tây Ban Nha trong lĩnh vực phát triển cơ sở hạ tầng và đào tạo nguồn nhân lực.

*Giai đoạn 4 (từ năm 1994 đến nay).* Tây Ban Nha có những bước phát triển vượt bậc và đạt được những thành tựu cực kỳ to lớn trên tất cả các mặt. Tây Ban Nha cũng là nước thành viên trong khu vực đồng Euro đầu tiên từ năm 1999. Với yêu cầu là thành viên của khu vực đồng Euro, Tây Ban Nha cũng tiếp tục phải có những cải cách theo tiêu chuẩn quy định chung của khu vực này trên các lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là lĩnh vực tài chính tiền tệ.

Nói tóm lại, trong lĩnh vực kinh tế, chuyển đổi của Tây Ban Nha vẫn tiếp tục

chương trình cải cách kinh tế tiến hành từ những năm 60 trên cơ sở đẩy mạnh các biện pháp tự do hoá kinh tế, mở cửa kinh tế với bên ngoài, phát huy cao nhất những tiềm năng, lợi thế của đất nước, đặc biệt là việc hội nhập vào EU và tận dụng sự hỗ trợ của EU để phát triển nhanh và bền vững kinh tế đất nước.

***Về những cải cách trong lĩnh vực xã hội, phát triển thị trường lao động và xây dựng hệ thống an sinh xã hội.***

Công cuộc cải cách của Tây Ban Nha sang chế độ dân chủ đòi hỏi phải phân phối lại tài sản xã hội công bằng hơn, tạo điều kiện giúp đỡ được những người yếu thế trong xã hội. Các biện pháp cải cách kinh tế gắn liền với mục tiêu xây dựng hệ thống an sinh xã hội của Tây Ban Nha theo mô hình nhà nước phúc lợi ở châu Âu. Trong thời kỳ độc tài, do chính sách đóng cửa nền kinh tế nên các vấn đề xã hội không được quan tâm chú ý. Vai trò của công đoàn và các tổ chức xã hội bị xem nhẹ, đời sống của nhân dân khó khăn, các mâu thuẫn xã hội phát triển. Bước sang giai đoạn chuyển đổi, với mục tiêu xây dựng xã hội dân chủ, thịnh vượng các vấn đề xã được đặc biệt quan tâm. Những mốc cải cách chính của hệ thống an sinh xã hội của Tây Ban Nha qua là: Năm 1978 cải cách hệ thống quản lý nói chung, đặc biệt rà soát hệ thống văn bản, giấy tờ, chính sách; Năm 1985 cải cách lương hưu; Năm 1986 cải cách theo các yêu cầu hội nhập vào Cộng đồng Châu Âu; Năm 1989 cải cách chính

sách tài chính. Hiện nay Tây Ban Nha đã xây dựng hệ thống an sinh xã hội khá tiến bộ, đáp ứng được mục tiêu xây dựng xã hội phúc lợi châu Âu.

Ngoài ra, trong những năm chuyển đổi vừa qua Tây Ban Nha đã có được những thành tựu rất ấn tượng trong việc phát triển một số ngành kinh tế, đặc biệt là ngành du lịch, những kinh nghiệm trong việc xây dựng cơ sở hạ tầng và đào tạo nguồn nhân lực.

Hiện nay du lịch của Tây Ban Nha đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế của đất nước, dân số của Tây Ban Nha có 45 triệu người, nhưng hàng năm hiện nay Tây Ban Nha thu hút khoảng gần 60 triệu khách du lịch. Ngành du lịch Tây Ban Nha đóng góp 11% GDP, năm 2006 doanh thu từ du lịch đạt 46 tỷ USD, trong đó thu từ khách nước ngoài 75%, còn lại 25% là thu từ khách trong nước. Phát triển du lịch ở Tây Ban Nha giải quyết tổng thể các yếu tố kinh tế, xã hội, văn hoá và quốc tế. Năm 1960, khi bắt đầu thực hiện chính sách mở cửa, kinh tế du lịch Tây Ban Nha đã có vai trò tiên phong và đóng góp rất quan trọng cho sự phát triển kinh tế của đất nước thời kỳ đó và được phát triển rất nhanh. Năm 1960 Tây Ban Nha mới có 6 triệu khách du lịch, đến năm 1973 đã tăng lên 34 triệu khách, năm 2006 có 55,6 triệu khách du lịch vào Tây Ban Nha. Tây Ban Nha là quốc gia đứng thứ 2 về thu hút du lịch nước ngoài sau Pháp, về thu nhập từ du lịch Tây Ban Nha đứng thứ 2 thế giới sau Mỹ. Riêng thu nhập từ du lịch Tây Ban Nha

có thể nuôi được toàn bộ những người về hưu. Từ năm 1978 đến 1982 là giai đoạn xây dựng cơ sở cho du lịch phát triển. Giai đoạn này Tây Ban Nha vẫn còn rất khó khăn do tác động của khủng hoảng năng lượng thế giới. Năm 1981 Tây Ban Nha thành lập hội chợ triển lãm du lịch. Đến nay Tây Ban Nha đã đứng thứ 2 thế giới về hội chợ triển lãm du lịch sau Anh. Trên cơ sở phát huy lợi thế tự nhiên, Tây Ban Nha đã có chiến lược tổng thể cho phát triển du lịch. Tây Ban Nha xác định du lịch là ngành kinh tế quan trọng phải có kế hoạch, chiến lược quản lý quốc gia, phải xây dựng các xí nghiệp kinh doanh chuyên nghiệp, phải phân cấp xuống các địa phương, thực hiện phương châm tất cả làm du lịch.

### Kết luận

Tây Ban Nha là đất nước đã thực hiện chuyển đổi rất thành công từ chế độ độc tài sang chế độ dân chủ và thịnh vượng. Kinh nghiệm từ quá trình này thật phong phú, nhưng nổi bật nhất ở những điểm sau:

1. Trong bối cảnh khủng hoảng nghiêm trọng về mọi mặt, Tây Ban Nha đã thống nhất được các lực lượng chính trị nhằm mục tiêu chung là phát triển đất nước. Việc ký Hiệp ước Môngcloa có thể coi như là tiền đề đầu tiên của sự thống nhất chính trị, tạo cơ sở của giai đoạn chuyển đổi mới tới xã hội dân chủ và thịnh vượng. Rõ ràng ở đây cho thấy ổn định chính trị là biện pháp đầu tiên quyết định thành công của chuyển đổi.

2. Trong quá trình cải cách kinh tế Tây Ban Nha đã xác định rõ mục tiêu là xây dựng xã hội dân chủ, nền kinh tế thị trường và hội nhập vào châu Âu. Điều đó quyết định các mục tiêu cải cách, và các tiêu chuẩn của châu Âu cũng là mục tiêu phấn đấu của Tây Ban Nha trong tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị và xã hội.

3. Tham gia hội nhập vào châu Âu là mục tiêu, đồng thời cũng là yếu tố hết sức quan trọng phát triển của Tây Ban Nha. Tây Ban Nha đã tranh thủ được sự hỗ trợ của EU để hiện đại hoá cơ sở hạ tầng, đáp ứng phát triển kinh tế hiện đại. Việc xây dựng nguồn nhân lực phục vụ phát triển đất nước ở Tây Ban Nha cũng là những kinh nghiệm quý giá có thể tham khảo.

### Tài liệu tham khảo

1. Carles Borix. *Tây Ban Nha: phát triển, dân chủ và công bằng* - Nguồn tài liệu tại dự án: *Hỗ trợ tổng kết 20 năm đổi mới ở Việt Nam*- Viện KHXH Việt Nam

2. Nicôlasotôriusơ. *Lịch sử và đặc điểm của sự quá độ của Tây Ban Nha*. (Nguồn như trên).

3. Báo cáo: *Tây Ban Nha 20 năm trong Liên minh Châu Âu (1986-2006)*.

4. Các báo cáo của các nhà quản lý và nhà khoa học Tây Ban Nha cho đoàn cán bộ cấp cao của Việt Nam trong chuyến đi nghiên cứu khảo sát tại Tây Ban Nha từ 20 đến 28 tháng 10 năm 2007.